|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II**  **Tổ Văn- Sử** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022 – 2023**  **MÔN: NGỮ VĂN 6** |

**A. Đọc - hiểu**

**1. Thể loại**

***1.1.****Truyện kể: Miêu tả nhân vật trong truyện kể*

- Ngoại hình: dáng vẻ bên ngoài của nhân vật, gồm thân hình gương mặt, ánh mắt, làm da, mái tóc, trang phục…

- Hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh

- Ngôn ngữ: lời nói của nhân vật, được xây dựng ở cả hai hình thức đối thoại và độc thoại

- Thế giới nội tâm: những cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật

***1.2.****Thơ lục bát:*

- Khái niệm: Thơ lục bát (hay còn gọi là thơ 6-8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng.

- Vần trong thơ lục bát:

* Tiếng cuối của dòng 6 vần với tiếng thứ 6 của dòng 8
* Tiếng cuối của dòng 8 vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp sau đó

- Thanh điệu trong thơ lục bát:

* Dòng 6 và 8: tiếng thứ 6, thứ 8 là thanh bằng (B); tiếng thứ 4 là thanh trắc (T)
* Dòng 8: tiếng thứ 6 là thanh huyền thì tiếng thứ 8 là thanh ngang (và ngược lại)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiếng | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| Câu lục | - | B | - | T | - | B |  |  |
| Câu bát | - | B | - | T | - | B | - | B |

- Thể lục bát biến thể: có sự phá cách so với thể lục bát thông thường - biến đổi số tiếng trong các dòng, cách gieo vần, thanh, ngắt nhịp…

**2. Văn bản**

- Yêu cầu: tóm tắt, chỉ ra nội dung chính, nhân vật chính, người kể chuyện, đặc điểm của nhân vật, tác giả, xuất xứ của từng văn bản đã học

- Các văn bản đã học:

* **Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)**

***1. Nghệ thuật***

* - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;
* - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;
* - Miêu tả tinh tế

***2. Nội dung***

* Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.
* **Cô Tô ( Nguyễn Tuân)**

***1. Giá trị nội dung:***

* Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.
* ***2. Giá trị nghệ thuật:***
* - Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo
* - Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc
* - Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,…

3. Kiến thức trọng tâm

**a. Sự dữ dội của trận bão**

- Các danh từ, cụm danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận, thủy tộc, quỷ khốc thần linh

- Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước...

- Cụm tính từ kết hợp với các động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;

- Biện pháp so sánh:

+ *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*

So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào -> So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm.

- Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.

+ ...trời đất trắng mù mù toàn bãi như là kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt

*+ Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.*

-> So sánh hình ảnh sóng thúc lẫn nhau vào bờ như vua thủy; so sánh âm thanh của sóng thúc vào bờ với âm thanh của trống trận mà vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm: âm âm, rền rền -> gợi nhịp điệu, độ hăng say, dữ dội của trống trận trong trận chiến => khắc họa sinh động, cụ thể, giàu sức gợi sự dữ dội của những đợt sóng trong cơn bão.

+ Nó rít lên rú lên như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh

-> So sánh tiếng gió với tiếng khóc của quỷ, không chỉ đơn giản là tiếng khóc của quỷ mà còn là tiếng khóc của quỷ dành cho thần linh, từ đó làm nổi bật được sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ

=> Tiếng gió rú rít được tăng sức gợi cảm, khiến người đọc cảm nhận được sự đáng sợ, ghê rợn của gió và thấy được sức mạnh của một cơn bão. Đồng thời thấy được cách lựa chọn hình ảnh so sánh tài hoa, độc đáo, mới lạ của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Biện pháp nhân hóa:

+ *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.*

Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết ***chờ*** cho “chúng tôi” vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết ***tăng thêm hỏa lực***. Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, có hồn, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn.

+ Nó rít lên rú lên...

- Thủ pháp tăng tiến: “*Gác đảo nhiều khuôn cửa kính bị gió vây và dồn, bung hết. Kính bị thứ gió cấp 11 ép, vỡ tung. Tiếng gió càng ghê rợn […] như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh*” ( vây -> dồn -> bung hết, ép -> vỡ tung). Tác dụng: Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật.

\* Bằng việc sử dụng hàng loạt các từ ngữ và cụm từ chọn lọc và biện pháp nghệ thuật độc đáo, tác giả đã diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão. Qua đó, thể hiện cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão. Cách viết mang đậm phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

**b. Cảnh Cô Tô sau cơn bão**

- Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các hình ảnh trong sáng, giàu sức sống, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.

- Cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão được miêu tả qua các từ ngữ:

+ Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng

+ Núi đảo, nước biển – xanh mượt, lam biếc đặm đà

+ Cát – vàng giòn

+ Cá – lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi 🡪 tài nguyên phong phú

- Cảm xúc của tác giả: “càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng nơi đây

**->** Tình cảm yêu mến, gắn bó gần gũi của tác giả đối với mảnh đất này.

=> Với thể loại kí, tác giả trực tiếp chứng kiến sự vật, sự việc, chú trọng ghi chép sự thật, nên hình ảnh trong kí hiện lên chân thực, cụ thể, rõ nét, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

**c. Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô**

- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:

+ Khi mặt trời chưa nhú lên: *Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi.*

-> Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tấm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn “chân trời”, “ngấn bể”.

+ Khi mặt trời bắt đầu nhú lên: mặt trời như lòng đỏ trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thăm thẳm

+ Bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh

=> Bức tranh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô được khắc họa rực rỡ, lộng lẫy, nên thơ, hùng vĩ, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa;

- Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên 🡪 Cách đón nhận công phu và trang trọng, thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên.

**d. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô**

**\*** Các từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.

+ cái sinh hoạt của nó vui, đậm đà, mát nhẹ

+ có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc

+ bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào

+ từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nói tiếp đi đi về về

+ anh hùng Châu Hòa Mãn quẩy 15 gánh nước

+ chị Châu Hòa Mãn địu con dịu dàng

\* Tác giả sử dụng phép tu từ so sánh độc đáo:

+ Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.

-> Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu của người dân đảo Cô Tô, là dấu hiệu của sự sống con người trên đảo. Nó vừa là nguồn sống cho dân đảo, vừa ghi dấu sự sống của họ. Phép so sánh khiến hình ảnh sinh hoạt của người dân đảo Cô Tô quanh giếng nước ngọt hiện lên nhộn nhịp, đông vui, đồng thời mang đậm hương quê, hồn quê.

+ Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành.

-> Hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc giàu ý nghĩa, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô cũng như cuộc sống lao động của những con người mới đang từng ngày từng giờ cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước.

Phép so sánh không chỉ tô đậm tình mẹ yêu con bao la của chị Châu Hòa Mãn, mà còn khẳng định thiên nhiên, biển cả như người mẹ hiền mang đến cho con người biết bao sản vật giàu có, trù phú.

=> Thể hiện tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo.

\* Khung cảnh Cô Tô nếu thiếu chi tiết giếng nước ngọt sẽ thiếu sự sinh động, nhộn nhịp, mất đi sức sống, hơi ấm của con người, chỉ còn là một quần đảo thiên nhiên hoang sơ đơn thuần. Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt của người dân nơi đây, là linh hồn của đảo Cô Tô. Nếu không miêu tả chi tiết này, tác phẩm Cô Tô của Nguyễn Tuân thực sự đã thiếu đi một chi tiết rất quan trọng.

**B. Thực hành tiếng Việt**

***1. Từ đồng âm và từ đa nghĩa***

*- Từ đồng âm:*là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.

→ Ví dụ: Con ngựa đá đá con ngựa đá (đá: hành động; đá: đồ vật)

*- Từ đa nghĩa:*là từ có hai hoặc nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.

→ Ví dụ: Hùng dùng chân đá vào chân bàn (chân: bộ phận dưới cùng, dáng trụ dài chống đỡ cơ thể người; chân: bộ phận dưới cùng, dáng trụ dài chống đỡ mặt bàn)

***2. Hoán dụ***

- Khái niệm: Hoán dụ là biện pháp tu từ dùng từ ngữ vốn chỉ sự vật, hiện tượng này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác có mối quan hệ tương cận, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Phân biệt hoán dụ và ẩn dụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ | Hoán dụ |
| Điểm giống | - Hình thức: chỉ xuất hiện "hình ảnh biểu hiện" (vế 1), "còn hình ảnh được biểu hiện" (vế 2) thì được ẩn đi  - Nội dung: gọi tên một sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác | |
| Điểm khác | - Hình ảnh biểu hiện (vế 1) và hình ảnh được biểu hiện (vế 2) có quan hệ tương đồng với nhau:   * về hình thức * về phẩm chất * về chuyển đổi cảm giác   - Chức năng: biểu cảm | - Hình ảnh biểu hiện (vế 1) và hình ảnh được biểu hiện (vế 2) có quan hệ gần gũi với nhau:   * lấy bộ phận chỉ toàn thể * lấy vật chứa đựng gọi vật được chứa đựng * lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng   - Chức năng: nhận thức |

***3. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ***

**3.1 Cụm từ:** là tổ hợp gồm 2 từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa thể tạo thành câu, trong đó có 1 từ (danh - động - tính) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại sẽ bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm đó.

**3.2 Phân loại cụm từ**:

* Cụm danh từ có danh từ làm thành phần chính (những đóa hoa mai ấy)
* Cụm động từ có động từ làm thành phần chính (đang nhảy trên tấm đệm)
* Cụm tính từ có tính từ làm thành phần chính (luôn xinh đẹp)

- Các mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

* Cách 1: Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ 1 từ thành 1 cụm từ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ)
* Cách 2: Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn (bổ sung thêm ý nghĩa về thời gian, đặc điểm, vị trí…)

→ Chú ý: có thể chỉ mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, nhưng cũng có thể mở rộng đồng thời hai thành phần này

- Tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ: làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng

**a**. **Cụm danh từ**:

**\* Nghĩa khái** **quát**: Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

**\*. Đặc điểm ngữ nghĩa của cụm danh từ**: nghĩa của cụm danh từ đầy đủ hơn một danh từ (công nhân/chú công nhân kia)

**\*. Chức vụ ngữ pháp của cụm danh từ**: giống như danh từ

**\* Mô hình cụm danh từ đầy đủ:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần trước** | | **Trung tâm** | | **Phần sau** | |
| T2  chỉ lượng  bao quát | T1  chỉ lượng  cụ thể hơn | T1  Danh từ  đơn vị | T2  Danh từ sự vật,  hiện tượng, khái niệm.. | S1  Nêu đặc điểm,  tính chất… | S2  Nơi chốn, thời gian….  (Chỉ từ) |
| Tất cả | những  mấy | cành   hàng | mai  bưởi | tứ quý  da xanh | ngoài ngõ (nơi chốn)  ngày xưa (Thời gian) |

       - Đặc điểm: Cấu tạo phức tạp hơn danh từ.

- Chức năng:  như danh từ(Làm chủ ngữ)

**Tạo cụm danh từ - đặt câu có  CDT làm chủ ngữ**

|  |  |
| --- | --- |
| Các bước thực hiện | Ví dụ |
| 1/ chọn danh từ chỉ sự vật, người, hiện tượng, khái niệm: x | Hoa cúc |
| 2/ Chọn phần phụ trước: y  (Lượng từ, số từ) | Tất cả |
| 3/ Tạo cụm:  yx | Tất cả hoa cúc |
| 4/ Chọn phần phụ sau: z  (chỉ đặc điểm, nơi  chốn…) | tím |
| 5/ Kết hợp thành cụm yxz: cụm danh từ | Tất cả/ hoa cúc /tím  PT         TT        PS |
| 6/ Đặt câu hỏi như thế nào, làm sao …sau cụm yxz và xác định nội dung cần trả lời. | Tất cả hoa cúc tím *như thế nào*?  Tất cả hoa cúc tím *làm sao?* |
| 7 Phân tích:  - Cụm yxz: Cụm danh từ làm chủ ngữ  - Nội dung trả lời câu 6: vị ngữ | Tất cả hoa cúc tím/ là của tôi           CN/                  VN |

**b.Cụm động từ:**

**\***Cụm động từ là tổ hợp từ do động từ một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành (đang **học** bài,…)

     \* Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ và có cấu tạo phức tạp hơn một động từ

     \* Chức vụ ngữ pháp của cụm động từ:giống như động từ

       - Làm vị ngữ

       - Làm chủ ngữ: không có phụ ngữ trước (ví dụ:Đi // là hành động quả quyết.)

       - Cụm động từ có cấu tạo đầy đủ gồm ba phần: Xem SGK/148

**Mô hình cấu  tạo cụm  động từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phần trước | Trung tâm | Phần sau |
| - chỉ QH thời gian:Đã, sẽ, đang  - chỉ QH tiếp diễn: cũng, vẫn  - chỉ  sự khẳng định:Có, còn  - chỉ  sự phủ định: không, chưa, chẳng  - chỉ  sự khuyến khích hay ngăn cản: hãy, nên,  chớ, đừng | ĐỘNG TỪ | Bổ sung về đối tượng  Bổ sung về thời gian  Bổ sung về nơi chốn  Bổ sung về cách thức  Bổ sung về phương tiện  Bổ sung về mục đích |

**Tạo cụm động từ:**

|  |  |
| --- | --- |
| Các bước thực hiện | Ví dụ |
| 1/ chọn động từ  *a* | đi |
| 2/ chọn phụ ngữ *b* | Đã (Phụ ngữ có ý nghĩa chỉ quan hệ  thời gian) |
| 3/ tạo  cụm động từ có phụ ngữ trước bằng cách kết hợp tổ hợp  *ba* | Đã   /   đi  PT     TT |
| 4/ chọn phụ ngữ sau   *c* | Bằng xe đạp  (Bổ sung về phương tiện) |
| 5/  kết hợp *c*sau cụm trên để tạo cụm động từ đầy đủ 3 phần: *bac* | Đã   / đi   / bằng xe đạp  PT   TT         PS |

**Đặt câu có cụm động từ** (Dễ thực  hiện để đạt yêu cầu)

- Tạo cụm động từ theo 5 bước trên

VD:  sẽ   trồng hoa.

* Chọn chủ ngữ  thực hiện hành động của cụm
* ***Để đặt câu có cụm động từ theo quy trình thuận***

1/ Chọn đối tượng, sự vật  tạo nên hành động:

VD: Nam, Cây mai, Gió

2/ Chọn động từ chỉ hành động  của  sự vật nêu trên:

VD:  Nam: hái, chặt, học, …..

         Cây mai: trổ, ra, vươn…..

          Gió: thổi, xua, kéo…

3/ Tìm phụ ngữ trước và sau cho động từ

 Nam       /  *đang*   **hái**  hoa sen

                    PT     TT    PS

**c. Cụm tính từ:**

**\***Cụm tính từ là tổ hợp từ do tính từ một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành

(rất **chăm chỉ** học bài,…)

      - Cụm tính từ ở dạng đầy đủ nhất gồm 3 phần: (Có thể vắng phụ trước, phụ sau nhưng phần TT không thể vắng mặt).

**Mô hình cấu tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần trước | Phần trung tâm | | Phần sau |
| - chỉ QH thời gian: đã, sẽ, đang  - chỉ QH  tiếp diễn: cũng, vẫn  - chỉ  sự khẳng định: có, còn  - sự phủ định: không, chưa, chẳng  - chỉ  sự khuyến khích hay ngăn cản: hãy, nên, chớ, đừng (hạn chế) | TÍNH TỪ | | Biểu thi vị trí  Sự so sánh  Mức độ  Phạm vi  Nguyên nhân của đặc điểm tính chất |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |
|  | |  | |

**Lưu ý:**

**1/ Nhận diện cụm**

- Cụm danh từ: có danh từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm

(Xem mô hình và ý nghĩa các phần phụ)

- Cụm  động  từ: có  động từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm

(Xem mô hình và ý nghĩa các phần phụ)

- Cụm  tính từ: có  tính từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm

  Phụ ngữ chỉ mức độ của cụm tính từ có thể xuất hiện ở cả phần phụ trước và sau

**2/  Cấu tạo cụm**

* Không nhất thiết cụm phải có đầy đủ 3 phần. Có thể thiếu một trong hai  phần phụ
* Trong một câu, có khi cả chủ và vị đầu là cụm

VD: Mấy *cành* **đào***Ngọc Hà*        /         ***đang*** **nở** ***rộ***

***xem lại tất cả các bài tập trong SGK của các bài học.***

**C. Tập làm văn**

**I. Lý thuyết: Bài văn tả cảnh sinh hoạt**

**1. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt**

- Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt;

- Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian)

- Tả hoạt động cụ thể của con người;

- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt được tả.

Lưu ý: Khi tả sử dụng từ ngữ phù hợp để tả làm cho quang cảnh, hoạt đọng của con người hiện lên một cách rõ nét, sinh động;

**2. Thực hành viết theo các bước**

**2.1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài:**

**b. Tìm ý:**

**c. Lập dàn ý:**

**\* Mở bài:**

Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt

**\* Thân bài:** Miêu tả cảnh sinh hoạt

- Tả bao quát khung cảnh và ấn tượng chung cảnh sinh hoạt

- Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự thời gian, hoạt động cụ thể của những người tham gia

- Thể hiện cảm xúc khi quan sát chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt

**\* Kết bài:** Nêu Suy nghĩ, đánh giá của người viết

Lưu ý: - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa

- Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân.

**2.2. Viết bài**

**-** Viết đoạn văn phần mở bài

- Viết các đoạn văn phần thân bài

- Viết đoạn văn kết bài

**2.3. Chỉnh sửa bài viết**

**II. Thực hành**

**1. Viết ngắn**

***Câu 1:*** *Có nhiều nhân vật trẻ em xuất hiện trong truyện Gió lạnh đầu mùa. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận về một nhân vật mà em thấy thú vị.*

**2. Viết bài văn hoàn chỉnh.**

**Đề bài 1: Tả lại cảnh sum họp của gia đình em.**

**Dàn ý**

1. **Mở bài**

- Thời gian: vào buổi tối cuốituần.

- Không gian:ngôi nhà củaem.

- Nhân vật: Những người thân trong giađình.

1. **Thânbài**

- Cách bài trí trong nhà, dưới bếp. (Chú ý các chi tiết, hình ảnh có liên quan đến Tết)

- Không khí chuẩn bị ra sao? ( Mọi người trong gia đình cùng nhau chuẩn bị…)

- Bàn ăn (hay mâm cơm) có những móngì?

- Bữa ăn diễn ra đầm ấm, vui vẻ như thếnào?

- Sau bữa ăn, mọi người làm gì? (uống nước, chuyện trò tâmsự...)

1. **Kết bài**

- Cảm động và thích thú.

- Mong có nhiều dịp được sum họp đầy đủ với ngườithân.

- Nhận ra rằng gia đình quả là một tổ ấm không thể thiếu đối với mỗi conngười.

*Đ ề 2: Hãy tả lại một phiên chợ tết ở quê em.*

1.Mở bài

 Giới thiệu chung về phiên chợ quê em.

– Địa điểm họp chợ? Thời gian họp chợ?

– Quang cảnh họp chợ như thế nào?

cảm xúc :thích thú,phấn khởi

**2. Thân bài:**

**– Miêu tả bao quát**

**-không khí ngày tết vô cùng nhộn nhịp ,mọi người đều chuẩn bị mua đồ để chuẩn bị làm bánh chưng,các loại mứt,..**

 Các dãy hàng bán trong chợ: Các mặt hàng, màu sắc, hình dáng của các loại hàng, các mùi vị đặc biệt của chợ.

+ Cảnh mua bán trong chợ: Tả một vài hàng tiêu biểu.

+

 Người người kéo nhau đi mua sắm cho những ngày Xuân. Ai nấy đều mặc những bộ quần áo gọn gàng, đủ sắc màu.

3 Kết bài . Nêu lên cảm nghĩ bản thân về phiên chợ Tết hôm đó.

*Đề 3: Em hãy tả lại cảnh sân trường trong giờ ra chơi*

***a. Mở bài:***

* Giới thiệu giờ ra chơi: Thời gian, địa điểm ...

***b. Thân bài:***

- Tả bao quát:

* Cảnh sân trường lúc bắt đầu ra chơi (ồn ào, náo nhiệt hẳn lên).
* Hoạt động vui chơi của mọi người trong cảnh (các trò chơi được bày ra thật nhanh ... )

- Tả chi tiết:

* Hoạt động vui chơi của từng nhóm (trai: Đá cầu, rượt bắt, .... nữ: Nhảy dây, chuyền banh .... )
* Đâu đó vài nhóm không thích chơi đùa ngồi ôn bài, hỏi nhau bài tính khó vừa học.
* Âm thanh (hỗn độn, đầy tiếng cười đùa, la hét, cãi vã ....)
* Không khí (nhộn nhịp, sôi nổi ...)

- Cảnh sân trường sau giờ chơi:

* Vắng lặng, lác đác vài chú chim sà xuống sân trường nhặt mấy mẩu bánh vụn.

***c. Kết bài:***

- Nêu ích lợi của giờ chơi:

* Giải tỏa nỗi mệt nhọc.
* Thoải mái, tiếp thu bài học tốt hơn.

**Đề minh họa**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,*

*Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.*

*Yêu con sông mặt sóng xao,*

*Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.*

*Yêu hàng ớt đã ra hoa*

*Đám dưa trổ nụ, đám cà trổ bông.*

*Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,*

*Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm.*

(*Ta yêu quê ta*, Lê Anh Xuân, Thơ Thiếu nhi chọn lọc, NXB Văn học, 2017, tr.94)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**:Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? (2)

A. Thể thơ tự do. C. Thể thơ lục bát.

B. Thể thơ tám chữ D. Thể thơ sáu chữ.

**Câu 2:** Trong dòng thơ: “*Đám dưa trổ nụ, đám cà trổ bông”* có mấy cụm động từ? (5)

A. Một cụm động từ. C. Ba cụm động từ.

B. Hai cụm động từ. D. Bốn cụm động từ.

**Câu 3:** Nêu chủ đề của bài thơ?

A.Tình yêu quê hương B. Tình yêu gia đình

1. Tình yêu thiên nhiên D. Tình yêu đôi lứa

**Câu 4** : Điệp từ “yêu” trong bài thơ trên có tác dụng gì? (8)

A. Nhấn mạnh tình yêu da diết của tác giả đối với dòng sông.

B. Nhấn mạnh tình yêu quê hương da diết của tác giả.

C. Nhấn mạnh tình yêu da diết của tác giả đối với mẹ.

D. Nhấn mạnh tình yêu sâu sắc của tác giả đối với gia đình.

**Câu 5**: Cảm nhận nào đúng nhất về cảnh vật quê hương hiện lên trong hai dòng thơ sau:

*“Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,*

*Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu”.*

A. Cảnh rực rỡ, tha thiết, bâng khuâng.

B. Cảnh mênh mông, bình dị, thân quen.

C. Cảnh tươi đẹp, thơ mộng, trữ tình.

D. Cảnh tươi đẹp, thân thuộc, bình dị

**Câu 6**: Nhận xét nào đúng nhất về ý nghĩa lời ru của mẹ qua hai dòng thơ sau:

*“Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,*

*Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm”.*

A. Lời ru của mẹ đưa con vào giấc ngủ, bồi đắp tâm hồn con.

B. Lời ru của mẹ động viên, khích lệ con nỗ lực học tập tốt.

C. Lời ru của mẹ là khúc hát xua tan mệt mỏi trong lao động.

D. Lời ru của mẹ gợi nhắc những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp.

**Câu 7:** Tác dụng của biện pháp nhân hóa trong dòng thơ: “*Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca”* là gì?

A.Nhấn mạnh kỉ niệm tuổi thơ êm đềm, ngọt ngào gắn với dòng sông.

1. Câu thơ khơi gợi trí tưởng tượng bay bổng ở người đọc.
2. Dòng sông trở nên sinh động, gần gũi, gắn bó với con người.
3. Giúp đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác.

**Câu 8**: Qua bài thơ, tác giả muốn gửi tới người đọc những thông điệp gì?

**Câu 9**:Qua nội dung của bài thơ, em nhận thấy mình cần làm gì để góp phần xây dựng quê hương?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy tả lại cảnh sân trường trong giờ ra chơi.